| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2022/HS-ST
Ngày 24-5-2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Thà và bà Dương Thị Kim Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 08/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 06/5/2022 đối với bị cáo:

**Vi Thị C**, sinh năm 1985, tại Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn M và bà Hoàng Thị C1; có chồng là Hoàng Văn C2 và hai con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 18/12/2021 đến ngày 27/12/2021 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh; hiện tại ngoại, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Thị C đã xuất cảnh sang Cộng hòa Síp lao động từ ngày 20/7/2009 đến ngày 11/11/2016 về Việt Nam. Tháng 5/2018, C có nhu cầu xuất cảnh sang Cộng hòa Síp để lao động có thu nhập nhưng C biết quy định của Cộng hòa Síp phải sau 5 năm kể từ khi về nước mới được xuất cảnh sang Cộng hòa Ship, nên C liên hệ với một người đàn ông tên D *(hiện không xác định được là ai)* nhờ làm hồ sơ và thủ tục cho C để xuất cảnh sang Cộng hòa Síp lao động với tổng chi phí

2.500 đô la Mỹ (USD). D hẹn gặp C tại khu vực Ngã tư Thân thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để đưa các ảnh 3 x4 và tạm ứng trước 500 đô la Mỹ. Sau đó, D đưa C đến thành phố Hải Dương gặp một người đàn ông *(hiện không rõ là ai, ở đâu)*; người này đưa C ký tờ khai đề nghị cấp căn cước công dân và hộ chiếu dán ảnh của C và yêu cầu C đọc thuộc thông tin trên tờ khai người đề nghị cấp căn cước công dân, hộ chiếu ghi tên Vũ Thị H, sinh ngày 05/02/1983, hộ khẩu thường trú tại xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Quá trình điều tra đã xác định: Nguyễn Hùng Th, sinh ngày 10/4/1954, trú tại thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương - cán bộ tư pháp xã G đã nghỉ hưu là người viết thông tin trên tờ khai căn cước công dân mang tên Vũ Thị H đề ngày 30/5/2018. Th đã sử dụng sổ hộ khẩu do Nguyễn Xuân TH1, sinh ngày 15/10/1957, trú tại thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương - nguyên Trưởng Công an xã G đã nghỉ hưu ký, đóng dấu đưa cho Th từ trước đó, nhờ người ghi các thông tin vào sổ *(hiện không xác định được ai là người viết)*. Sau đó, Th mang sổ hộ khẩu, tờ khai căn cước công dân mang tên Vũ Thị H ghi nơi thường trú ở xã Gia Lương, huyện Gia Lộc cùng tờ khai căn cước công dân mang tên 03 người khác, từng lần đến gặp và nhờ ông Lê Doãn Th2 - chức vụ Phó Trưởng Công an xã G. Th nói là người nhà, do công việc bận không có mặt để nhờ xác nhận tờ khai đề nghị cấp căn cước công dân. Tin tưởng Th từng là cán bộ tư pháp và những người trên là người nhà của Th cùng tài liệu Th đưa, có sổ hộ khẩu ghi đăng ký thường trú ở xã Gia Lương, huyện Gia Lộc do Nguyễn Xuân TH1 - Trưởng Công an xã Gia Lương ký, cấp cho các trường hợp trên, nên Th2 đã xác nhận vào các tờ khai căn cước công dân cho 04 người trong đó có trường hợp Vũ Thị H. Trước, trong và ngay sau khi ông Th2 xác nhận vào tờ khai căn cước công dân 04 trường hợp trên, Th không hứa hẹn cho ông Th2 hưởng lợi ích gì. Th đưa cho Nguyễn Xuân Ngh, sinh ngày 03/10/1959 ở thôn C, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương các tài liệu gồm: sổ hộ khẩu, tờ khai căn cước công dân mang tên Vũ Thị H *(theo Th khai)*, nhưng Ngh không thừa nhận. Vi Thị C nhận dạng không xác định được người đàn ông đã làm thủ tục cấp căn cước công dân, hộ chiếu cho mình là ai. Các giấy tờ trên được người đàn ông *(do người tên D liên hệ cho C, C không biết là ai)* sử dụng và đưa Vi Thị C đi làm thủ tục, được Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội và Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hải Dương cấp căn cước công dân số 030183009020 ngày 20/6/2018, Hộ chiếu số C5578674 cấp ngày 13/7/2018 mang tên Vũ Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau đó, người đàn ông này chỉ đưa cho C hộ chiếu và bản photocopy căn cước công dân.

Sau khi có hộ chiếu, C biết một người tên H3 qua mạng xã hội Facebook làm dịch vụ Visa lao động, được H3 thỏa thuận làm thủ tục cho C xuất cảnh sang Cộng hòa Síp để lao động với chi phí 2.500 đô la Mỹ, khi nào sang Cộng hòa Síp mới phải trả tiền. H3 yêu cầu C chuyển hộ chiếu và hồ sơ cho người

quen của H3 ở khu vực BigC Bắc Giang *(C không biết tên, đặc điểm người này)*. C được H3 giúp làm thủ tục Visa, vé máy bay; C xuất cảnh sang Cộng hòa Ship ngày 18/9/2018. Trong thời gian lao động tại Cộng hòa Ship, qua thông tin của gia đình, C biết bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hải Dương quyết định truy nã nên trình báo Cảnh sát Cộng hòa Ship đề nghị cho xuất cảnh về Việt Nam. Đến ngày 18/12/2021, C nhập cảnh về Việt Nam theo chuyến bay nhân đạo của Cộng hòa Ship thì bị bắt tạm giữ tại cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

Quá trình điều tra, bị cáo Vi Thị C khai nhận về hành vi như nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 19/CT-VKS-P1 ngày 06/4/2022, Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương truy tố Vi Thị C về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo C khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Vi Thị C phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử phạt bị cáo C từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các kết luận giám định, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 5/2018, Vi Thị C với mục đích xuất cảnh ra nước ngoài để lao động có thu nhập phục vụ cuộc sống gia đình, C đã liên hệ thuê người làm

hồ sơ, thủ tục xuất cảnh sang Cộng hòa Ship và được người khác *(hiện chưa xác định được là ai)* cung cấp thông tin cá nhân mạo danh người mang tên Vũ Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương ghi trên tờ khai cấp căn cước công dân, được Công an xã Gia Lương xác nhận để đề nghị được cấp căn cước công dân, rồi sử dụng căn cước công dân để được cấp hộ chiếu mang tên Vũ Thị H thường trú tại xã Gia Lương. Sau đó, C sử dụng hộ chiếu mang tên Vũ Thị H xuất cảnh sang Cộng hòa Ship ngày 18/9/2018 để lao động. Hành vi của bị cáo Vi Thị C đã đủ yếu tố cấu thành tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, làm mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã miền núi còn nhiều khó khăn, trình độ văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên bị cáo đã nhờ người làm giả giấy tờ để sử dụng xuất cảnh đi lao động với mục đích tạo thu nhập cho gia đình; hoàn cảnh gia đình bị cáo còn khó khăn phải nuôi hai con nhỏ. Sau khi bị cáo xuất cảnh, cơ quan an ninh điều tra đã quyết định truy nã do không biết bị cáo ở đâu. Khi biết bị truy nã, bị cáo đã chủ động xin về nước, thể hiện thái độ ăn năn hối cải của bị cáo.

[5] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thì thấy không cần thiết phải buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Hàng tháng khấu trừ thu nhập 10% của bị cáo sung quỹ Nhà nước.

[6] Về vật chứng: Đối với các tài liệu Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: Phiếu thu nhận thông tin CCCD *(bản chính)*, Tờ khai CCCD *(bản chính)*, danh chỉ bản *(bản chính)*, bản sao chứng thực sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn; quản lý tờ khai cấp hộ chiếu tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh

Công an tỉnh Hải Dương; 01 Hộ chiếu số C5578674 cấp ngày 13/7/2018 mang tên Vũ Thị H có dán ảnh của C; 01 bản photo căn cước công dân số 030183009020 cấp ngày 20/6/2018 mang tên Vũ Thị H là nguồn chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Đối với Nguyễn Xuân TH1, Nguyễn Hùng Th đã bị xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Nguyễn Xuân Ngh trong quá trình điều tra bị mắc bệnh rối loạn trầm cảm thực tổn giai đoạn nặng, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Ngh tại Viện pháp y tâm thần Trung ương nên Tòa án không xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo Vi Thị C phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

2. Xử phạt bị cáo Vi Thị C 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ *(tính bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ)*; bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Vi Thị C cho UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Vi Thị C trong thời gian cải tạo không giam giữ, sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Vi Thị C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- CQANĐT, CQTHAHS - CA tỉnh Hải

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Văn Sơn**